

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/DS-ST

Ngày: 05-3-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
Hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mút.
2. Ông Nguyễn Văn Vinh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khánh Nguyên –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **10/2018/TLST- DS** ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 272/2019/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1979. Địa chỉ: 67/6 ấp An Th , xã A,huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Thị Tuyết X, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 5/3 ấp An Ng A, xã A,huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn H, sinh năm 1979. Địa chỉ: Địa chỉ: Số 5/3 ấp An Ng A, xã A,huyện P, tỉnh Bến Tre. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị H trình bày:

Trong năm 2016- 2017 chị và chị Tuyết X có tham gia chơi hui qua lại với nhau cụ thể các dây hui như sau:

- Ngày 15/10/2016 chị Tuyết X có tham gia chơi 01 dây hội do chị làm chủ, hội 2.000.000 đồng, chị X tham gia 02 phần, gồm 22 người tham gia, chị X hốt hội và còn nợ lại 4 tháng với số tiền 16.000.000 đồng.

- Trong ngày 20/7/2017 chị Tuyết X có tham gia chơi 2 dây hội do chị làm chủ, cụ thể: Dây hội thứ nhất: Hội 1.000.000 đồng, chị X tham gia 01 phần, gồm 22 người tham gia, chị X hốt hội và còn nợ lại 14 tháng với số tiền 14.000.000 đồng; dây hội thứ hai: Hội 1.000.000 đồng, chị X tham gia 01 phần, gồm 24 người tham gia, chị X hốt hội và còn nợ lại 16 tháng với số tiền 16.000.000 đồng.

Vào ngày 25/6/2017 chị có tham gia chơi các dây hội do chị X làm chủ cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Hội tháng 2.000.000 đồng, gồm 25 người tham gia, chị góp hội được 13 tháng, số tiền là 26.000.000 đồng.

- Dây hội thứ hai: Hội tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 10/7/ 2017, gồm 24 người, chị tham gia 2 phần, góp hội được 11 tháng với số tiền 22.000.000 đồng.

- Dây hội thứ ba: Hội tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 30/8/ 2017, gồm 22 người, chị tham gia 1 phần, chị góp hội chỉ chị X được 10 tháng với số tiền 10.000.000 đồng.

- Dây hội thứ tư: Hội tháng 1.000.000 đồng, khai ngày 05/11/ 2017, gồm 24 người, chị tham gia 2 phần, góp được 07 tháng với số tiền 14.000.000 đồng.

Tất cả các dây hội do chị X làm chủ chưa mãn thì chị X tuyên bố vỡ hội nhưng đến nay không giao tiền hội cho chị.

Tổng số tiền hội chị X nợ chị là: 118.000.000 đồng, ngày 27/7/ 2018 chị X có trả chị 2.000.000 đồng, hiện còn nợ số tiền 116.000.000 đồng. Sau khi tổng kết hội ngày 17/6/ 2018 chị X có viết giấy nợ cho chị.

Ngoài ra, vào ngày 30/5/ 2018 chị Thị Tuyết X có vay của chị 90.000.000 đồng, không tính lãi đến nay chưa trả cho chị.

Nay chị yêu cầu chị X và anh H phải liên đới trả cho chị tổng số tiền là 206.000.000 đồng, trong đó: nợ hội là: 116.000.000 đồng, nợ tiền mượn là: 90.000.000 đồng, chị yêu cầu chị X và anh H phải trả cho chị một lần, chị không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn chị Thị Tuyết X trình bày:

Chị thừa nhận từ năm 2016 đến năm 2017 chị và chị H có tham gia chơi hội qua lại, số tiền chị còn nợ lại chị H, các dây hội, số hội viên tham gia như chị

H trình bày là đúng. Riêng số tiền 90.000.000 đồng chị còn nợ lại chị H là tiền vay có thỏa thuận lãi suất cứ 1.000.000 đồng đóng 40.000 đồng/tháng, không phải là tiền mượn như chị H trình bày và năm vay tiền là năm 2015, sau đó đến ngày 30/5/2018 âm lịch chị mới viết biên nhận nợ cho chị H. Đối với số tiền chị vay của chị H chị có đóng lãi đầy đủ nhưng từ 30/5/2018 âm lịch đến nay chị không đóng lãi cho chị H nữa. Chị thừa nhận 02 biên nhận chị H cung cấp cho Tòa là do chị viết và ký tên.

Nay theo yêu cầu của chị H thì chị đồng ý trả cho chị H số tiền này nhưng do hiện nay chị còn nợ nhiều người không có khả năng trả cho chị H một lần, chị yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ 206.000.000 đồng. Đối với số lãi chị đã đóng cho chị H, chị không yêu cầu tính lãi lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn H trình bày: Trước đây anh có biết vợ anh là Xuân có tham gia chơi hụi qua lại với chị H nhưng anh không biết cụ thể mấy dây hụi, số người tham gia và số tiền hiện chị X còn nợ chị H bao nhiêu. Anh chỉ biết số tiền chị X vay của chị H là 90.000.000 đồng vào năm 2015 với lãi suất là cứ 1.000.000 đồng đóng 40.000 đồng/ tháng chứ không phải là tiền mượn không có lãi. Nay theo yêu cầu của chị H thì anh đồng ý liên đới cùng chị X trả cho chị H số tiền số nợ 206.000.000 đồng nhưng do hiện không có khả năng trả cho chị H một lần, anh yêu cầu được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Huỳnh Thị H thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Thị Tuyết X và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn H có nơi cư trú tại số nhà 5/3 ấp An Ngãi A, xã An Thạnh, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

[2] Tại phiên Tòa chị H, chị X và anh H đều thống nhất về các dây hụi, số tiền nợ hụi và số tiền vay mà chị X, anh H còn nợ chị H. Chị Xuân, anh H thừa nhận hiện nay còn nợ chị H tổng số tiền là 206.000.000 đồng và đồng ý trả cho chị H số

tiền này theo yêu cầu của chị H, nhưng chị X, anh H yêu cầu được trả dần, chị H yêu cầu trả một lần.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi giữa chị Huỳnh Thị H và chị Thị Tuyết X được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên hợp đồng trên hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 463, 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Sau khi hốt hụi (những dây hụi do chị H làm chủ); sau khi tuyên bố vỡ hụi (những dây hụi do chị X làm chủ) và sau khi vay tài sản chị X không trả vốn và cũng không giao hụi, đóng hụi cho chị H là vi phạm hợp đồng mà hai bên đã giao kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi hợp pháp của chị H. Việc chị X, anh H yêu cầu trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên không được chị H chấp nhận. Mặt khác, khi giao kết hợp đồng hai bên không có thỏa thuận cách thức trả dần. Do đó, chị H yêu cầu chị X, anh H trả cho chị H tổng số tiền nợ vốn là : 206.000.000 đồng và yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi là có căn cứ, phù hợp với Điều 466, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại Tòa chị H, chị X, anh H không thống nhất số tiền vốn vay của chị H 90.000.000 đồng là số tiền vay có lãi hay không có thỏa thuận lãi nhưng tại tòa, chị H không có yêu cầu chị X anh H phải trả lãi cho số tiền này và chị X anh H cũng không có yêu cầu tính lại số tiền lãi đã đóng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Chị Thị Tuyết X và anh Lê Văn H có nghĩa vụ liên đới nộp án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các Điều 463, 466, 471 Bộ luật dân sự Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị H. Buộc chị Thị Tuyết X và anh Lê Văn H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Huỳnh Thị H số tiền là

206.000.000 đồng (Hai trăm lẻ sáu triệu đồng). Trong đó: Nợ hui là 116.000.000 đồng (Một trăm mười sáu triệu đồng); nợ tiền vay là 90.000.000 đồng (Chín chục triệu đồng)

Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Thị Tuyết X và anh Lê Văn H có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền là: 10.300.000 đồng (Mười triệu ba trăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Chị Huỳnh Thị H được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Phú tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 5.150.000 đồng (Năm triệu một trăm năm chục ngàn đồng) theo biên lai thu số 0021469 ngày 04 tháng 12 năm 2018.

Đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Đào Hồng Vân

